

Số: 23 /2020/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số  
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc  
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc điều  
chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 17 tháng 11  
năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và  
định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-  
2025; Báo cáo thẩm tra số 229/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ban  
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội  
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 cho các dự án do tỉnh quyết định đầu tư và xác định tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là huyện) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối với vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh sẽ được phân bổ cụ thể cho các dự án theo mục tiêu đã xác định bố trí của Trung ương.

Việc hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn ngân sách cấp tỉnh cho các huyện thuộc tỉnh được thực hiện theo tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công tại quy định này được áp dụng kể từ năm 2021. Trừ những trường hợp phát sinh đột xuất, cấp bách cần phải thực hiện hỗ trợ ngay (thiên tai, dịch họa, quốc phòng - an ninh ...) theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## 2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách cấp tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

### **Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025**

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh được bố trí cho các đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2019, Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp.

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương theo phân cấp; các dự án chuyển tiếp có mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội thuộc Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy.

3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm; phân tích, kiểm định; kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; sở hữu trí tuệ; thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ,

trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao. Các dự án chuyển tiếp có mục tiêu khoa học công nghệ thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

9. Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

10. Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng

ngành nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;

b) Công nghiệp: Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Giao thông: Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển.

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: Hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

đ) Thương mại: Chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu.

e) Cấp nước, thoát nước.

g) Kho tàng: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

h) Du lịch: Cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

k) Bưu chính: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

l) Công nghệ thông tin: Các dự án hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ Quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng.

m) Quy hoạch: Các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công.

n) Công trình công cộng tại các đô thị.

o) Cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

12. Xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân loại dự án theo ngành, lĩnh vực sẽ căn cứ vào mục tiêu chính của dự án. Riêng đối với dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, trong đó có mục tiêu quốc phòng, an ninh nhưng không phải là mục tiêu chính, phân loại dự án theo ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

### **Điều 3. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh phải phục vụ cho thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội nhằm thúc đẩy phát triển dịch vụ đồng bộ, hiện đại, hỗ trợ, tạo động lực cho 04 trụ cột kinh tế phát triển (công nghiệp, cảng biển, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao), tạo ra lợi thế so sánh, cạnh tranh và nâng cao tỷ lệ cơ cấu trong đóng góp ngân sách. Theo đó, tập trung xây dựng mô hình phát triển kinh tế bền vững dựa vào công nghiệp, cảng biển, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao; đầu tư hạ tầng giao thông đa phương thức, kết nối liên vùng, khu vực và quốc tế nhằm tăng năng lực khai thác Cụm cảng Cái Mép - Thị Vải và phát triển du lịch.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công.

5. Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách cấp tỉnh.

6. Tập trung ưu tiên phân bổ vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án thuộc chương trình mục tiêu, dự án trọng điểm, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng), bảo đảm an ninh nguồn nước.

7. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách của tỉnh giai đoạn 2021-2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công năm 2019 (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ đủ vốn; Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư - PPP; Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm; vốn cho các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông thiết yếu để thúc đẩy và thu hút nguồn lực phát triển các trụ cột kinh tế của tỉnh;

đ) Phân bổ vốn cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

e) Phân bổ vốn dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công năm 2019;

g) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch;

h) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

8. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh và xác định số điểm của từng tiêu chí**

**1. Tiêu chí phân bổ vốn**

Vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện được phân bổ trên cơ sở các tiêu chí sau đây: Dân số; Tiêu chí về trình độ phát triển; Diện tích; Đơn vị hành chính cấp huyện.

**2. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể**

Số điểm của từng tiêu chí của các huyện được xác định trên cơ sở số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm gần nhất, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp năm trước năm kế hoạch và dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên năm trước năm kế hoạch. Điểm của các tiêu chí được tính như sau:

a) Tiêu chí dân số: Tính trên số dân của huyện (riêng đối với huyện Côn Đảo, được tính điểm là một phần hai điểm của địa phương có dân số đến 50.000 người). Điểm của tiêu chí dân số:

Số dân	Điểm
Các địa phương có dân số đến 50.000 người	10
Các địa phương có dân số trên 50.000 đến 100.000 người, từ 0 đến 50.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính tối đa	2
Các địa phương có dân số trên 100.000 đến 200.000 người, từ 0 đến 100.000 người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính tối đa	1
Các địa phương có dân số trên 200.000 người, từ 0 đến 200.000 người được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính tối đa	0,25

b) Tiêu chí về trình độ phát triển bao gồm 03 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp năm trước năm kế hoạch và dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên năm trước năm kế hoạch (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số). Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được	1

Điểm của tiêu chí dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp năm trước năm kế hoạch (riêng đối với huyện Côn Đảo, được tính điểm là một phần hai điểm của huyện có dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp từ 0 đến 200 tỷ đồng):

<b>Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp năm trước năm kế hoạch</b>	<b>Điểm</b>
Các huyện có dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ 0 đến 200 tỷ đồng	2
Các huyện có dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 200 tỷ đồng đến 400 tỷ đồng, từ 0 đến 200 tỷ đồng được tính 2 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	1,5
Các huyện có dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 400 tỷ đồng đến 700 tỷ đồng, từ 0 đến 400 tỷ đồng được tính 5 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	1
Các huyện có dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 700 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, từ 0 đến 700 tỷ đồng được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	0,5
Các huyện có dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 1.000 tỷ đồng, từ 0 đến 1.000 tỷ đồng được tính 9,5 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	0,25

Điểm của tiêu chí dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên, được tính bằng hiệu số giữa dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp năm trước năm kế hoạch và dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp năm trước năm kế hoạch (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số). Riêng đối với huyện Côn Đảo, được tính điểm là một phần hai điểm của huyện có số thu đóng góp vào ngân sách cấp trên từ 0 đến 100 tỷ đồng):

<b>Dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên năm trước năm kế hoạch</b>	<b>Điểm</b>
Các huyện có dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên từ 0 đến 100 tỷ đồng	2
Các huyện có dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên trên 100 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng, từ 0 đến 100 tỷ đồng được tính 2 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	1,5
Các huyện có dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên trên 300 tỷ đồng đến 700 tỷ đồng, từ 0 đến 300 tỷ đồng được tính 5 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	1



Các huyện có dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên trên 700 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, từ 0 đến 700 tỷ đồng được tính 9 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	0,5
Các huyện có dự toán thu ngân sách huyện đóng góp vào ngân sách cấp trên trên 1.000 tỷ đồng, từ 0 đến 1.000 tỷ đồng được tính 10,5 điểm, phần còn lại cứ 100 tỷ đồng tăng thêm được tính tối đa	0,25

c) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất của các huyện không bao gồm đất lâm nghiệp có rừng. Riêng đối với huyện Côn Đảo, được tính điểm là một phần hai điểm của địa phương có diện tích đất đến 100 km<sup>2</sup>. Điểm của tiêu chí diện tích đất như sau:

<b>Diện tích</b>	<b>Điểm</b>
Các huyện có diện tích đất đến 100 km <sup>2</sup>	8
Các huyện có diện tích đất trên 100 km <sup>2</sup> đến 300 km <sup>2</sup> , từ 0 đến 100 km <sup>2</sup> được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính tối đa	6
Các huyện có diện tích đất trên 300 km <sup>2</sup> đến 500 km <sup>2</sup> , từ 0 đến 300 km <sup>2</sup> được tính là 20 điểm, phần còn lại cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính tối đa	4
Các huyện có diện tích đất trên 500 km <sup>2</sup> , từ 0 đến 300 km <sup>2</sup> được tính là 28 điểm, phần còn lại cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính tối đa	2

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 03 tiêu chí: đơn vị hành chính cấp xã; hải đảo; đô thị.

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp phường, xã, thị trấn

<b>Đơn vị hành chính cấp huyện</b>	<b>Điểm</b>
Đơn vị phường, xã, thị trấn	5

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính hải đảo

<b>Đơn vị hành chính hải đảo</b>	<b>Điểm</b>
Huyện hải đảo được tính	10

Các tiêu chí đô thị

<b>Địa phương</b>	<b>Điểm</b>
Đô thị loại 1	10
Đô thị loại 2	8
Đô thị loại 3	6
Đô thị loại 4	4
Đô thị loại 5	2

3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện và tổng số điểm của các huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện, theo các công thức sau:

b) Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện. K được tính trên cơ sở khả năng cân đối từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh theo hướng năm sau không thấp hơn năm trước và với mức tăng không quá tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (phần nội địa) của năm kế hoạch.

Y là tổng số điểm của các huyện tính theo tiêu chí.

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Số vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện theo công thức:

$Y_i$  là số điểm của từng huyện.

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư công.

$X_i$  là số vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho từng huyện, ta có:

$$X_i = Y_i \cdot Z$$

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách cấp tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công quy định tại Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Mười chín thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, SKHĐT, TH.

**CHỦ TỌA**



**Mai Ngọc Thuận**  
**(Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân)**